

**Phụ lục II: CHỐNG DỊCH KHI KHÔNG CÓ DỊCH**

(Kèm theo Kế hoạch số 448/KH-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2024 của UBND thành phố Long Khánh)

Đvt: 1.000 đồng

<b>PHẦN I: DỰ TOÁN KINH PHÍ CHỐNG DỊCH XỬ LÝ Ổ DỊCH (khi không công bố dịch)</b>				
<b>PHẦN A: DỰ TOÁN CÁC CHI PHÍ CỐ ĐỊNH</b>				
<b>STT</b>	<b>HẠNG MỤC</b>	<b>Kinh phí thành phố</b>	<b>Kinh phí phường, xã</b>	<b>Tổng</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí tuyên truyền trên đài truyền thanh</b>	<b>6,000</b>	<b>30,000</b>	<b>36,000</b>
1.1	Trên đài truyền thanh thành phố (2 lần/ngày; trong 30 ngày) x100.000 đ/ngày	6,000		6,000
1.2	Trên các xã phường (dự kiến 5 xã) (2 lần/ngày/xã; trong 30 ngày) x100.000 đ/ngày		30,000	30,000
<b>2</b>	<b>Chi phí phun thuốc sát trùng tiêu độc</b>	<b>0</b>	<b>66,000</b>	<b>66,000</b>
2.1	Thuốc sát trùng: tỉnh cấp			
2.2	Chi phí phương tiện nhân công phun xịt (tùy thực tế nhưng không cao hơn 550đồng/m3), để đảm bảo tiết kiệm ngân sách và phù hợp thực tế 110 đồng/m2 x 600.000 m2		66,000	66,000
<b>3</b>	<b>Công tác phí phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát xử lý ổ dịch 03 người x 5 ngày x 150.000đ/ngày</b>	<b>2,250</b>		<b>2,250</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8,250</b>	<b>96,000</b>	<b>104,250</b>
<b>PHẦN B: DỰ TOÁN CÁC CHI PHÍ THAY ĐỔI THEO BỆNH</b>				
	<b>I. CÚM GIA CẦM</b>	<b>253,600</b>	<b>82,025</b>	<b>335,625</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí tiêu hủy gia cầm</b>	<b>199,000</b>	<b>8,550</b>	<b>207,550</b>
1.1	Hỗ trợ cho chủ hộ có gia cầm tiêu hủy: 5.000 con x 35.000đ/con	175,000		175,000
1.2	Chi phí tiêu hủy gia cầm theo thực tế, dự kiến: 3.000đ/con x 5.000 con	15,000		15,000
1.3	x 100.000đ ngày thường (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)	9,000		9,000
1.4	Chi phí tiêu hủy gia cầm nhập trái phép theo thực tế: tỉnh cấp			0
1.5	Trang phục bảo hộ 7 khoản: 18 người/ổ dịch x 5 ổ dịch x 1 bộ/người x 95.000 đ/bộ		8550	
<b>2</b>	<b>Tiêm phòng vắc xin: tổ chức tiêm phòng cơ sở chăn nuôi gia cầm tại xã có dịch và dự kiến có 04 xã xung quanh, với tổng đàn gia cầm khoảng 125.000 con, mỗi xã có từ 2 đến 4 (TB = 3) đội tiêm phòng, mỗi đội tiêm phòng có 2 người, tổng cộng có 15 đội tiêm phòng với 30 người, trong đó trực tiếp 15 người, gián tiếp 15 người</b>	<b>54,600</b>	<b>73,475</b>	<b>128,075</b>
2.1	Dụng cụ, vật tư phục vụ tiêm phòng	0	3,325	3,325
a	Bơm tiêm, bộ vật tư thay thế, kim tiêm số 9 TQ: tỉnh cấp			0
b	Nước đá bảo quản vắc xin: 05 xã x 50.000 đ/xã		250	250
c	Cồn sát trùng: 05 xã x 6 lít/xã x 40.000 đ/lít		1,200	1,200
d	Bông gòn: 05 xã x 1.5 kg/xã x 120.000 đ/kg		900	900

STT	HẠNG MỤC	Kinh phí thành phố	Kinh phí phường, xã	Tổng
e	Xà phòng: 05 xã x 1.5 kg/xã x 30.000 đ/kg		225	225
f	Đèn pin sạc: 15 đội x 1 đội /cái x 50.000đ/cái		750	750
2.2	Bảo hộ lao động	0	3,000	3,000
a	Trang phục 7 khoản: tính cấp			0
b	Áo mưa: 30 người x 1 cái/người x 50.000 đ/cái		1,500	1,500
c	Ủng: 30 người x 1 đôi/người x 50.000 đ/đôi		1,500	1,500
2.3	Chi phí tiêm phòng	54,600	43,750	98,350
a	Tiền vắc xin cúm gia cầm: 125.000 liều x 420 đ/liều	52,500		52,500
b	Vắc xin hao hụt: (4%)	2,100		2,100
c	Chi trả công tiêm phòng: 300-350 đồng/con x 125.000 con		43,750	43,750
2.4	Xăng xe tiêm phòng		8,400	8,400
a	Hỗ trợ người trực tiếp, gián tiếp tiêm phòng: 30 người x 01 lít/ ngày x 10 ngày x 24.000đ/ lít		7,200	7,200
b	Vận chuyển vắc xin, vật tư từ huyện về xã : 05 xã x 1 lít/ngày/xã x 10 ngày x 24.000 đ/lít		1,200	1,200
2.5	Chi hỗ trợ cho người tham gia tiêm phòng: tiền công người dẫn đường, ghi chép: 15 người x 10 ngày x 100.000 đồng /ngày (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)		15,000	15,000
	<b>Dự toán xử lý ổ dịch Cúm gia cầm khi không công bố dịch = PHẦN A + I, PHẦN B</b>	<b>261,850</b>	<b>178,025</b>	<b>439,875</b>
<b>II</b>	<b>LỖ MÔM LONG MÓNG</b>	<b>212,640</b>	<b>29,667</b>	<b>242,307</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí tiêu hủy gia súc</b>	<b>81,600</b>	<b>0</b>	<b>81,600</b>
1.1	Hỗ trợ cho chủ hộ có gia súc bị tiêu hủy	70,500		70,500
a	Heo, dê, cừu: 30 con x 50 kg/con x 38.000đ/kg	57,000		57,000
b	Trâu, bò: 02 con x 150 kg/con x 45.000đ/kg	13,500		13,500
1.2	Chi phí tiêu hủy gia súc	2,100		2,100
a	Heo, dê, cừu theo thực tế dự kiến: 60.000đ/con x 30 con	1,800		1,800
b	Trâu, bò theo thực tế dự kiến: 150.000 đ/con x 2 con	300		300
1.3	Hỗ trợ CB tham gia tiêu hủy: 18 người/lần x 5 lần x 100.000đ/ ngày thường (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)	9,000		9,000
1.4	Chi phí tiêu hủy gia súc nhập trái phép: tính cấp			
1.5	Trang phục bảo hộ 7 khoản: tính cấp			

STT	HẠNG MỤC	Kinh phí thành phố	Kinh phí phường, xã	Tổng
2	<b>Chi phí tiêm phòng bao vây ổ dịch cho các hộ chăn nuôi (tại xã có dịch và dự kiến có 04 xã xung quanh, với tổng đàn gia súc khoảng 6.000 con (heo, dê, cừu: 4.500 con, trâu, bò 1.500 con) mỗi xã có 01 đội tiêm phòng, mỗi đội tiêm phòng có 2 người, tổng cộng có 5 đội tiêm phòng với 10 người, trong đó trực tiếp 5 người, gián tiếp 5 người)</b>	<b>131,040</b>	<b>29,667</b>	<b>160,707</b>
2.1	Chi phí mua vắc xin	131,040		131,040
a	6000 liều x 21.000 đ/liều	126,000		126,000
b	Vắc xin hao hụt: 4%	5,040		5,040
2.2	Chi phí công tiêm phòng		18,300	18,300
a	Heo, dê, cừu: 4500 mũi x 2.600 đ/mũi		11,700	11,700
b	Trâu, bò: 1.500 mũi x 4.400 đ/mũi		6,600	6,600
2.3	Chi phí bảo quản vắc xin: nước đá 10 ngày/ xã x 5 xã x 50.000 đ/ngày		2,500	2,500
2.4	Vật tư phục vụ tiêm phòng: 10.000 con/30 con/cây x 800 đ/cây )		267	267
2.5	Xăng xe tiêm phòng		3,600	3,600
a	Hỗ trợ cho người trực tiếp, gián tiếp tiêm phòng: 10 người x 01 lít/ ngày x 10 ngày x 24.000đ/ lít		2,400	2,400
b	Vận chuyển vắc xin, vật tư từ huyện về xã: 5 xã x 1 lít/ngày/xã x 10 ngày x 24.000 đ/lít		1,200	1,200
2.6	Hỗ trợ cán bộ dẫn đường: 05 người x 10 ngày x 100.000đ/công (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)		5,000	5,000
<b>Dự toán xử lý ổ dịch LMLM khi không công bố dịch = PHẦN A + II, PHẦN B</b>		<b>220,890</b>	<b>125,667</b>	<b>346,557</b>
<b>III</b>	<b>BỆNH TAI XANH</b>	<b>407,800</b>	<b>18,167</b>	<b>425,967</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí tiêu hủy gia súc</b>	<b>67,800</b>	<b>0</b>	<b>67,800</b>
1.1	Heo: 30 con x 50 kg/con x 38.000đ/kg	57,000		57,000
1.2	Chi phí tiêu hủy gia súc theo thực tế dự kiến: 60.000đ/c	1,800		1,800
1.3	Hỗ trợ CB tham gia tiêu hủy: 18 người/lần x 5 lần x 100.000đ/ngày thường (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)	9,000		9,000
1.4	Chi phí tiêu hủy gia súc nhập trái phép theo thực tế dự kiến: tỉnh thực hiện			0
1.5	Trang phục bảo hộ 7 khoản: tỉnh cấp			0
2	<b>Chi phí tiêm phòng bao vây ổ dịch cho các hộ chăn nuôi (tại xã có dịch và dự kiến có 04 xã xung quanh, với tổng đàn gia súc khoảng 4.000 con; mỗi xã có 01 đội tiêm phòng, mỗi đội tiêm phòng có 2 người, tổng cộng có 5 đội tiêm phòng với 10 người, trong đó trực tiếp 5 người, gián tiếp 5 người)</b>	<b>340,000</b>	<b>18,167</b>	<b>358,167</b>
2.1	Mua vắc xin: 4.000 liều x 34.000đ/liều	340,000		340,000

STT	HẠNG MỤC	Kinh phí thành phố	Kinh phí phường, xã	Tổng
2.2	Công tiêm phòng: heo 4.000 con x 2.600-2.900 đ/mũi		10,400	<b>10,400</b>
2.3	Bảo quản vắc xin: nước đá 10 ngày/ xã x 5 xã x 50.000 đ/ngày		2,500	<b>2,500</b>
2.4	Kim tiêm phòng: 10.000 con/30 con/cây x 800 đ/cây		267	<b>267</b>
2.5	Hỗ trợ cán bộ dẫn đường: 01 người/xã x 5 xã x 10 ngày x 100.000đ/công (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)		5,000	<b>5,000</b>
<b>Dự toán chống dịch Tai xanh trên một xã khi công bố dịch = PHẦN A + III, PHẦN B</b>		<b>416,050</b>	<b>114,167</b>	<b>530,217</b>
<b>IV</b>	<b>BỆNH DTHCP</b>	<b>308,000</b>		<b>308,000</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí tiêu hủy gia súc</b>	<b>308,000</b>	<b>0</b>	<b>308,000</b>
1.1	Hỗ trợ cho chủ hộ có gia súc bị tiêu hủy: 100 con x 50 kg/con x 38.000đ/kg	190,000		190,000
1.2	KTNS) dự kiến: 10 lần tiêu hủy bằng PP đốt (dưới 100 con/lần) x 10.000.000đ/lần	100,000		100,000
1.3	Hỗ trợ CB tham gia tiêu hủy: 18 người/lần x 10 lần x 100.000đ/ngày thường (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)	18,000		18,000
1.4	Chi phí tiêu hủy gia súc nhập trái phép, theo thực tế: tính thực hiện			
1.5	Trang phục bảo hộ 7 khoản: tính hỗ trợ			
<b>Dự toán chống dịch DTHCP trên một xã khi không công bố dịch = PHẦN A + IV, PHẦN B</b>		<b>316,250</b>	<b>96,000</b>	<b>412,250</b>
<b>V</b>	<b>VIÊM DA NỘI CỤC</b>	<b>39,900</b>	<b>-</b>	<b>39,900</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí tiêu hủy gia súc</b>	<b>39,900</b>		<b>39,900</b>
1.1	Hỗ trợ cho chủ hộ có gia súc bị tiêu hủy: trâu, bò 05 con x 150 kg/con x 45.000đ/kg	33,750		33,750
1.2	Chi phí tiêu hủy gia súc, theo thực tế dự kiến: 150.000 đ/con x 5 con	750		750
1.3	Hỗ trợ CB tham gia tiêu hủy: 18 người/ô dịch x 3 ô dịch x 100.000đ/ngày thường (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)	5,400		5,400
1.4	Trang phục bảo hộ 7 khoản: tính cấp			-
1.5	Chi phí tiêu hủy gia súc nhập trái phép: tính cấp			-
<b>2</b>	<b>Tiêm phòng hộ chăn nuôi trâu, bò nhỏ lẻ (lồng ghép KH tiêm phòng hằng năm)</b>	<b>-</b>		<b>-</b>
<b>Dự toán chống dịch VDNC trên một xã khi không công bố</b>		<b>48,150</b>	<b>96,000</b>	<b>144,150</b>
<b>VI</b>	<b>ĐẠI CHÓ MÈO (mỗi ổ dịch 01 con bị bệnh và tiếp xúc 10 con xung quanh)</b>	<b>70,416</b>	<b>43,375</b>	<b>113,791</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí tiêu hủy chó, mèo</b>	<b>2,400</b>	<b>0</b>	<b>2,400</b>
1.1	Chi phí tiêu hủy chó, mèo theo thực tế, dự kiến: 60.000đ/con x 10 con	600		600
1.2	Hỗ trợ CB tham gia tiêu hủy: 18 người/ô dịch x 01 ô dịch x 100.000đ/người/ngày (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)	1,800		1,800

STT	HẠNG MỤC	Kinh phí thành phố	Kinh phí phường, xã	Tổng
1.3	Trang bị bảo hộ 07 khoản: tỉnh cấp			
2	<b>Tiêm phòng vắc xin: tổ chức tiêm phòng toàn bộ chó mèo khỏe mạnh tại xã có dịch và dự kiến có 04 xã xung quanh, với tổng đàn chó mèo khoảng 3.000 con, mỗi xã có từ 2 đến 4 (TB=3) đội tiêm phòng, mỗi đội tiêm phòng có 2 người, tổng cộng có 15 đội tiêm phòng với 30 người, trong đó trực tiếp 15 người, gián tiếp 15 người</b>	<b>68,016</b>	<b>43,375</b>	<b>111,391</b>
2.1	Dụng cụ, vật tư phục vụ tiêm phòng	0	2,575	2,575
a	Ống tiêm nhựa, cây chuyên dụng bắt chó: tỉnh cấp			0
b	Nước đá bảo quản vắc xin: 05 xã x 50.000 đ/xã		250	250
c	Cồn sát trùng: 05 xã x 6 lít/xã x 40.000 đ/lít		1,200	1,200
d	Bông gòn: 05 xã x 1.5 kg/xã x 120.000 đ/kg		900	900
e	Xà phòng: 05 xã x 1.5 kg/xã x 30.000 đ/kg		225	225
2.2	Bảo hộ lao động		1,500	1,500
a	trang phục 7 khoản:tỉnh cấp			0
b	Ủng: 30 người x 1 đôi/người x 50.000 đ/đôi	0	1,500	1,500
2.3	Chi phí tiêm phòng	44,616	15,900	60,516
a	Tiền vắc xin đại: 3.000 liều x 14.300 đ/liều	42,900		42,900
b	Vắc xin hao hụt : (4%) x 3.000 liều x 14.300 đ/liều)	1,716		1,716
c	Chi trả công tiêm phòng: 5.300 đồng/con x 3.000 con		15,900	15,900
2.4	Xăng xe tiêm phòng		8,400	8,400
a	Hỗ trợ người trực tiếp, gián tiếp tiêm phòng: 30 người x 01 lít/ ngày x 10 ngày x 24.000đ/ lít		7,200	7,200
b	Vận chuyển vắc xin, vật tư từ huyện về xã: 05 xã x 1 lít/ngày/xã x 10 ngày x 24.000 đ/lít		1,200	1,200
2.5	Chi hỗ trợ cho người tham gia tiêm phòng: Chi trả tiền công người dẫn đường, ghi chép: 15 người x 10 ngày x 100.000đ/ngày (ngày nghỉ, lễ, tết 200.000đ/người/ngày)		15,000	15,000
<b>Dự toán xử lý ổ dịch Đại chó mèo khi không công bố dịch = PHẦN A + VI, PHẦN B</b>		<b>78,666</b>	<b>139,375</b>	<b>218,041</b>